

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2021
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam.

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đại T, sinh năm 1968; dân tộc Tày; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Triệu Thị M, sinh năm 1969; dân tộc Tày; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Hoàng Đại T trình bày: Anh và chị Triệu Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi chửi nhau, việc vợ chồng cãi chửi nhau đã được thôn Q can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn thường cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay tôi thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Triệu Thị M.

Tại bản tự khai cũng như quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Triệu Thị M trình bày, chị và anh Hoàng Đại T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký theo kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ghen chị đi ngoại tình, anh T đuổi chị đi và vứt quần áo chị đi, nên vợ chồng chị thường cãi chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được ban quản lý thôn Q, xã H hòa giải và được gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020, anh T làm đơn đề nghị Tòa án Bắc Quang giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng tôi không đồng ý ly hôn vì tôi đã lớn tuổi, sống chết ở với con cái tôi, nên nếu ly hôn tôi không có chỗ để ở.

Về con chung: Anh T và chị M khẳng định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị V, sinh ngày 09/3/1987 và cháu Hoàng Văn S, sinh ngày 28/11/1989. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi nên anh T, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị M xác định, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hoàng Đại T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, công việc của ai người đó tự làm, cả hai không quan tâm đến nhau, nhưng chị M không nhất trí ly hôn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đại T đối với chị Triệu Thị M về việc “Ly hôn”.

Về con chung: Đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hoàng Đại T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Hoàng Đại T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Triệu Thị M có nơi cư trú là thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về hôn nhân: Anh Hoàng Đại T và chị Triệu Thị M sống chung với nhau và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn thì vẫn được coi là vợ chồng, do vậy hôn nhân giữa anh T và chị M là hợp pháp.

[3] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh T và chị M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được Ban quản lý thôn và gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo như anh T, chị M và biên bản xác xác minh thể hiện, anh T và chị M bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, anh T nghi ngờ chị M có quan hệ ngoại tình nên hay xảy ra cãi chửi nhau. Anh T, chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không hòa thuận, anh T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn, chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm cả hai đã sống ly thân, công việc của ai người đó tự lo, nhưng chị M vẫn không nhất T ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị V, sinh ngày 09/3/1987 và cháu Hoàng Văn S, sinh ngày 28/11/1989. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi nên anh T, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình Tòa án giải quyết, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản bằng một vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét phân chia tài sản trong vụ án này.

[6] Về án phí: Anh Hoàng Đại T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Đại T. Anh Hoàng Đại T được ly hôn chị Triệu Thị M.

Về Án phí: Anh Hoàng Đại T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001305, ngày 11/12/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hào;
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh